

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2063/UBND-VX

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 7 năm 2011

V/v đề nghị bổ sung kinh phí
thực hiện Nghị định số
49/2010/NĐ-CP ngày
14/5/2010 của Chính phủ

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....1980.....
	Ngày: 29/7/2011
	Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Thực hiện Thông tư Liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo như sau:

1. Tổng nhu cầu cấp bù học phí:

Căn cứ qui định mức học phí đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND ngày 27/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định về mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp nhu cầu cấp bù học phí như sau:

- Tổng số đối tượng được miễn, giảm học phí: 87.151 học sinh
- Tổng nhu cầu kinh phí cấp bù học phí: 62.887,923 triệu đồng, trong đó:

Năm 2010: 19.908,7 triệu đồng

Năm 2011: 42.979,223 triệu đồng.

(Chi tiết nhu cầu cấp bù học phí như biểu số 1 kèm theo)

2. Nhu cầu hỗ trợ chi phí học tập:

- Tổng số đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: 77.678 học sinh.

- Tổng kinh phí : 27.187,3 triệu đồng.

(Chi tiết nhu cầu hỗ trợ chi phí học tập như biểu số 2 kèm theo).

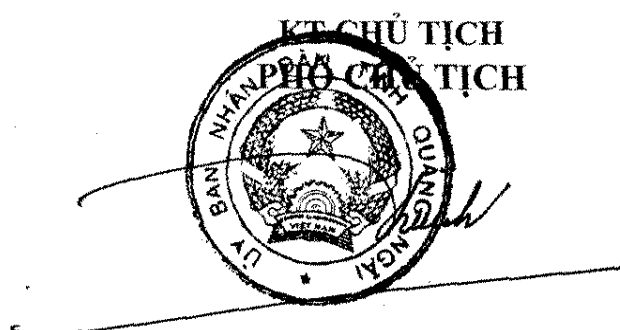
3. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ là: **90.075,223 triệu đồng (chín mươi tỷ, không trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi ba ngàn đồng).**

(Ngày 30/6/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về khoản kinh phí nêu trên tại Tờ trình số 1834/TTr-UBND đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, chính sách an sinh xã hội)

Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét giải quyết bổ sung kinh phí để tỉnh Quảng Ngãi thực hiện chi trả cho các học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Lao động-Thương binh và Xã hội;
- VPUB: C,PVP(VX), TH, CBTH;
- Lưu VT,VXthuy274



Lê Quang Thích

TỔNG HỢP NHU CẦU CẤP HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH 49/2010/NĐ-CP TRONG NĂM 2011

(Ban hành kèm theo Công văn số 496/UBND-VX ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: Ngân đồng

STT	Chi tiêu	Đối tượng miễn	Đối tượng giảm		Mức học phí cấp có thẩm quyền QĐ năm 2011	Số tháng miễn	Kinh phí bù miễn giảm học phí		
			Mức giảm 70%	Mức giảm 50%			Tổng số	Năm 2010	Năm 2011
	TỔNG SỐ	87.151	523	8.632	0	9	62.887.923	19.908.700	42.979.223
I	Trường mầm non và phổ thông công lập	67.631	0	1.429	0	9	12.983.873	0	12.983.873
	<i>Trong đó: Vùng KTXH ĐBK</i>	<i>38.804</i>		<i>79</i>	<i>0</i>	<i>9</i>	<i>3.311.910</i>		<i>3.311.910</i>
	-Mầm non	18.499	0	185	50	9	2.520.180		2.520.180
	-Phổ thông cơ sở	29.820	0	726	40	9	4.272.075		4.272.075
	-Phổ thông trung học	17.204	0	484	70	9	4.661.618		4.661.618
	-Phổ thông trung học(hệ GDTX)	2.108	0	34	80	9	1.530.000		1.530.000
1	Thành thị	778	0	188	240	36	444.330	0	444.330
	-Mầm non	5		1	50	9	2.475		2.475
	-Phổ thông cơ sở	317		166	40	9	144.000		144.000
	-Phổ thông trung học	412		21	70	9	266.175		266.175
	-Phổ thông trung học(hệ GDTX)	44			80	9	31.680		31.680
2	Nông thôn	34.569	0	1.152	160	36	8.801.708	0	8.801.708
	-Mầm non	6.181		156	25	9	1.408.275		1.408.275
	-Phổ thông cơ sở	15.830		509	20	9	2.895.210		2.895.210

	-Phổ thông trung học	11.425		453	35	9	3.670.223		3.670.223
	-Phổ thông trung học(hệ GDTX)	1.133		34	80	9	828.000		828.000
3	Miền núi	32.284	0	89	115	36	3.737.835	0	3.737.835
	-Mầm non	12.313		28	10	9	1.109.430		1.109.430
	-Phổ thông cơ sở	13.673		51	10	9	1.232.865		1.232.865
	-Phổ thông trung học	5.367		10	15	9	725.220		725.220
	-Phổ thông trung học(hệ GDTX)	931			80	9	670.320		670.320
II	Khỏi các trường trung cấp, CDảng, Đại học	19.242	523	7.200	940	30	49.771.750	19.908.700	29.863.050
1	Đại học	4.742	323	2.200	940	30	16.556.602	6.622.641	9.933.961
	-Ngành khoa học XH và nhân văn	2.500	100	1.000	290	10	8.162.972	3.265.189	4.897.783
	-Ngành khoa học tự nhiên	2.000	173	1.000	310	10	7.308.062	2.923.225	4.384.837
	-Ngành y Dược	242	50	200	340	10	1.085.568	434.227	651.341
2	Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng	7.000	100	3.000			16.414.416	6.565.766	9.848.650
3	Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề	7.500	100	2.000			16.800.732	6.720.293	10.080.439
III	Ngoài công lập	278	0	3	70	9	132.300	0	132.300
	-Mầm non								
	-Phổ thông cơ sở								
	-Phổ thông trung học	278		3	70	9	132.300		132.300
	+Thành thị	139		3	70	9	88.515		88.515
	+Nông thôn	139			35	9	43.785		43.785

TỔNG HỢP NHU CẦU CHI PHÍ HỌC TẬP NĂM 2011

(Ban hành kèm theo Công văn số 207/UBND-VX ngày 26 tháng 7 năm 2011 của
Chủ tịch UBND tỉnh (Quảng Ngãi))



ĐVT: nghìn đồng

STT	Chi tiết	Tổng số đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu kinh phí
	Tổng số	77.678	5	27.187.300
	Trong đó: Vùng KTXH ĐBKK	57.866	5	20.253.100